| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**<br>TỈNH VĨNH LONG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **100/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2025
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Long Hồ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Minh Quang;

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Triệu Thị A**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 25/4/2025.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Sang S**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/7/2025, bản tự khai ngày 30/7/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Triệu Thị A trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà A và ông S tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện B vào năm 2012. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà A yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông S.

- *Về con chung:* Không có

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long đã tống đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Sang S các văn bản tố tụng nhưng ông S vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù ông S vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Huỳnh Sang S.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Triệu Thị A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Sang S. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Huỳnh Sang S có đăng ký thường trú và sinh sống tại ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân hu khu vực 8 - Vĩnh Long.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Sang S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Triệu Thị A vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 30/7/2025. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà A và ông S cưới nhau vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 06 tháng 7 năm 2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông S được công nhận hợp pháp.

Nay, bà A yêu cầu ly hôn ông S vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà A trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2024, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời bà A và ông S để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy ông S đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà A và ông S đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[5] Về con chung:* Bà Triệu Thị A khai không có nên không xét đến.

*[6] Về tài sản chung:* Bà Triệu Thị A khai tự thỏa thuận nên không xét đến.

*[7] Về nợ chung:* Bà Triệu Thị A khai không có nên không xét đến.

*[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Bà Triệu Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Triệu Thị A đối với ông Huỳnh Sang S. Cho ly hôn giữa bà Triệu Thị A và ông Huỳnh Sang S.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Triệu Thị A và ông Huỳnh Sang S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Bà Triệu Thị A khai không có nên không xét đến.

**3. Về tài sản chung:** Bà Triệu Thị A khai tự thỏa thuận nên không xét đến.

**4. Về nợ chung:** Bà Triệu Thị A khai không có nên không xét đến.

**5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:**

Bà Triệu Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000252 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy, bà Triệu Thị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bà Triệu Thị A, ông Huỳnh Sang S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT,TT&THA);
- VKSND KV8-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bình Đại, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Long Hồ**